

Số 144/QĐ-DBĐHDTTW

Phủ Thọ, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh
hoàn thành chương trình dự bị đại học vào trường Đại học Thương mại

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Thông tư số: 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học;

Căn cứ Thông tư số: 41/2013/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số: 44/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Công văn số: 66/DBĐHDTTW-KHTC, ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương về việc đăng ký chỉ tiêu xét chuyển đối tượng học sinh thuộc diện chính sách theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT vào đại học năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số: 1155/CV-ĐHTM ngày 21 tháng 4 năm 2025 của trường Đại học Thương mại, về việc tiếp nhận các học sinh đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, kỳ tuyển sinh đại học năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét chuyển học sinh ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc xét chuyển học sinh theo nguyện vọng tham gia xét tuyển vào học đại học hệ chính quy từ năm học 2025 – 2026 tại các cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Phó Hiệu Trưởng phụ trách công tác xét chuyển,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xét chuyển 24 học sinh theo nguyện vọng tham gia xét tuyển vào học đại học hệ chính quy từ năm học 2025 – 2026 tại trường Đại học Thương mại (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Học sinh có trách nhiệm theo dõi, thực hiện các thủ tục xét tuyển theo hướng dẫn của cơ sở giáo dục đại học và thanh toán hết các khoản công nợ đối với Nhà trường.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Bồi dưỡng - Quản lý chất lượng, Trưởng phòng Kế hoạch, tài chính – Quản trị, trưởng các đơn vị có liên quan và các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KHTCQT.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Tuấn Anh

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO
TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG



DANH SÁCH XÉT CHUYỂN HỌC SINH HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC THEO NGUYỄN VỌNG
THAM GIA XÉT TUYỂN VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI, NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 309/QĐ-DBĐHDTTƯ, ngày 25 tháng 6 năm 2025)

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Tổng điểm các môn thi THPT năm 2024 (Tính cả điểm ưu tiên)	Điểm thi TN THPT môn T. Anh (đối với ngành Ngôn ngữ Anh)	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học		KQHT THPT						Tên ngành xét chuyển
										Điểm TBC các môn bồi dưỡng theo THPT	XLR L	Điểm TB các môn			Xếp loại hạnh kiểm			
												Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
1	Phạm Phương Mai	Nữ	3/5/2006	Tày	K50 A01	00430600 0368	037431922 6	20,35		8,4	Tốt	7,7	7,3	7,5	Tốt	Tốt	Tốt	Kế toán (Kế toán công)
2	Mai Thị Ngọc Ánh	Nữ	30/3/2006	Tày	K50 A1	02030600 7253	035822575 0	25,44		8,9	Tốt	8,00	8,20	8,60	Tốt	Tốt	Tốt	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)
3	Phan Thanh Huyền	Nữ	25/11/2006	Tày	K50 A4	00430600 0387	084310020 8	23,05		8,9	Tốt	7,60	7,50	7,90	Tốt	Tốt	Tốt	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)
4	Lêo Minh Nghĩa	Nam	06/3/2006	Thái	K50 A2	01420600 2988	086768779 7	21,15		6,5	Tốt	7,10	7,20	7,50	Tốt	Tốt	Tốt	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)
5	Chu Ánh Nguyệt	Nữ	08/01/2006	Nùng	K50 A2	02030600 7487	081257918 1	25,41		8,7	Tốt	8,40	8,70	9,00	Tốt	Tốt	Tốt	Kinh doanh quốc tế (Thương mại quốc tế)
6	Phùng Mạnh Tường	Nam	05/7/2006	Nùng	K50 A4	00420600 4697	039484760 8	20,20		7,9	Tốt	7,10	7,10	7,80	Tốt	Tốt	Tốt	Kinh tế (QL kinh tế)

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Tổng điểm các môn thi THPT năm 2024 (Tính cả điểm ưu tiên)	Điểm thi TN THPT môn T. Anh (đối với ngành Ngôn ngữ Anh)	Kết quả bài thi TN THPT		KQHT THPT						Tên ngành xét chuyên	
										Điểm TBC bài thi TN THPT	XLR	Điểm TB các môn			Xếp loại hạnh kiểm				
												Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12		
7	Quách Phương Thảo	Nữ	09/8/2006	Mường	K50 A8	01730600 5289	086576742 1	23,25		8,6	Tốt	7,10	7,30	7,50	Tốt	Tốt	Tốt	Kinh tế quốc tế (Kinh tế quốc tế)	
8	Đinh Thị Thanh Thảo	Nữ	20/01/2006	Tày	K50 A2	00430600 0883	096102540 3	21,30		8,3	Tốt	7,70	8,00	8,10	Tốt	Tốt	Tốt	Logistics và QLCCU	
9	Trịnh Anh Tuấn	Nam	23/05/2006	Tày	K50 D2	02020600 0713	091329990 6	23,00		8,3	Tốt	7,6	8,5	8,7	Tốt	Tốt	Tốt	Logistics và QLCCU	
10	Hoàng Khánh Ly	Nữ	28/04/2006	Tày	K50 D5	01530600 0974	035358354 7	25,50		8,3	Tốt	7,7	8,5	8,7	Tốt	Tốt	Tốt	Marketing (Marketing số)	
11	Nông Thị Kim Duyên	Nữ	12/11/2006	Tày	K50 A01	00430600 7293	078734137 3	22,15		7,6	Tốt	7,0	7,9	8,0	Tốt	Tốt	Tốt	Marketing (Marketing số)	
12	Hoàng Ngọc Huyền	Nữ	01/04/2006	Tày	K50 D4	02030600 0992	038883429 4	21,85		8,1	Tốt	7,4	7,7	8,0	Tốt	Tốt	Tốt	Marketing (Marketing thương mại định hướng chuyên sâu)	
13	Bùi Thị Hà Vy	Nữ	05/04/2005	Mường	K50 D7	01730500 0542	098620696 0	22,35	7,40	8,0	Tốt	8,0	8,1	8,0	Tốt	Tốt	Tốt	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh thương mại)	
14	Nguyễn Ngọc Diễm	Nữ	27/12/2006	Mường	K50 D2	00130605 7293	039213760 7	23,50		8,4	Tốt	7,2	7,4	7,5	Tốt	Tốt	Tốt	Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	
15	Luong Thị Kim Liễu	Nữ	10/11/2006	Tày	K50 D3	02030600 1715	032548435 7	20,90		7,8	Tốt	7,6	7,8	7,6	Tốt	Tốt	Tốt	Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)	

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Tổng điểm các môn thi theo THPT năm 2024 (Tính cả điểm ưu tiên)	Điểm thi TN THPT môn T. Anh (đối với ngành Ngôn ngữ Anh)	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học		KQHT THPT						Tên ngành xét chuyên																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
										Điểm TBC các môn bởi đường theo THPT	XLR	Điểm TB các môn			Xếp loại hạnh kiểm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																									
												Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								</

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân Tộc	Lớp	Số CMND/CC CD	Điện thoại cá nhân	Tổng điểm các môn thi theo THPT năm 2024 (Tính cả điểm ưu tiên)	Điểm thi TN THPT môn T. Anh (đối với ngành Ngôn ngữ Anh)	Kết quả bồi dưỡng Dự bị đại học		KQHT THPT						Tên ngành xét chuyển		
										Điểm TB các môn	Xếp loại hạnh kiểm	Điểm TB các môn	Xếp loại hạnh kiểm	Điểm TB các môn	Xếp loại hạnh kiểm					
																Điểm TB các môn	Xếp loại hạnh kiểm		Điểm TB các môn	Xếp loại hạnh kiểm
23	Lục Thị Hoa	Nữ	28/03/2006	Tày	K50 D1	00430600 5910	086950124 0	24,65		7,6	Tốt	8,0	7,5	8,1	Tốt	Tốt	Tốt	Thương mại điện tử (Quản trị thương mại điện tử)		
24	Dương Nguyện Lâm	Nam	23/08/2006	Nùng	K50 D4	02020600 0896	039921136 3	22,90		7,8	Tốt	7,4	8,1	7,8	Tốt	Tốt	Tốt	Thương mại quốc tế		

Danh sách gồm 24 học sinh (A01: Toán - Lý - T. Anh; A: Toán - Lý - Hóa; D: Toán - Văn - T. Anh)./.

KT. Hiệu trưởng
Phó Hiệu trưởng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯ BỊ ĐẠI HỌC TRUNG ƯƠNG
ThS. Hồ Thị Bích Thủy

Xác nhận dữ liệu của Phòng BDQLCL
Trưởng phòng

ThS. Lương Thị Hồng Khuyến

Người lập biên

ThS. Lê Thị Hoàng